| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ QUY NHƠN**<br>**TỈNH BÌNH ĐỊNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc** |

Bản án số: 35 /2018/KDTM-ST
Ngày: 02/10/2018
"V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Khổng Lan Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Cao Thị Chính
- Ông Nguyễn Hoàng Long

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ Nương là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:* **Ông Nguyễn Quang Lâm** – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2018/TLST- KDTM ngày 22 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2018/QĐXXST-KDTM ngày 30 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2018/QĐST – KDTM ngày 18/9/2018, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Ngân hàng C

Trụ sở: đường D, phường G, Quận P, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T - Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đình T - Giám đốc Ngân hàng C – Chi nhánh B – Phòng giao dịch P.

(Theo văn bản ủy quyền số 899/QĐ-DAB-PC ngày 21/5/2016).

Địa chỉ: Tổ 5, KV 9, phường T, Thành phố Q, tỉnh Bình Định.

*Bị đơn*: Chị Phan Thị Hồng L; sinh năm: 1988

Địa chỉ: Tổ 11, KV 7, phường B, Thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Anh Nguyễn Thanh S – sinh năm: 1991

Địa chỉ: Tổ 11, KV 7, P phường B, Thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Tại phiên tòa, anh T có mặt, chị L và anh S có đơn xin xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 4 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm anh Trần Đình T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng C trình bày:*

Ngày 09/6/2014 Ngân hàng C – Chi nhánh B – Phòng giao dịch P (gọi tắt là Ngân hàng C) có cho chị Phan Thị Hồng L vay 20.000.000 đồng theo giấy đề nghị vay vốn kiêm khế ước nhận nợ với lãi suất: 12%/năm, mục đích vay để kinh doanh; Thời hạn vay: 12 tháng; Trả góp vốn hàng tháng trong 11 tháng đầu là 1.920.000 đồng và tháng cuối trả 1.280.000 đồng; Tài sản bảo đảm: tín chấp. Tính đến ngày 29/10/2014, chị L mới chỉ trả cho Ngân hàng C số tiền 5.760.000 đồng (trong đó vốn: 4.744.615 đồng, lãi trong hạn: 1.015.385 đồng) sau đó không tiếp tục trả gốc và lãi theo quy định, mặc dù Ngân hàng C đã nhiều lần thông báo nợ và làm việc trực tiếp nhưng chị L vẫn không trả nợ đầy đủ. Nay Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu chị L phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C một lần toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi vay tạm tính đến ngày 02/10/2018 là 26.712.634 đồng, trong đó tiền gốc là 15.255.385 đồng, lãi trong hạn là 1.384.615 đồng, lãi quá hạn 10.072.634 đồng.

*Tại bản khai ngày 06 tháng 6 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Phan Thị Hồng L trình bày:*

Chị thống nhất với lời trình bày của anh T về việc chị có ký giấy đề nghị vay vốn kiêm khế ước nhận nợ ngày 09/6/2014 với Ngân hàng C. Từ khi vay đến ngày 29/10/2014, chị đã trả 03 đợt tiền gốc và lãi cho Ngân hàng C là 5.760.000 đồng, trong đó gốc là 4.744.615 đồng, lãi trong hạn là 1.015.385 đồng. Hiện chị còn nợ Ngân hàng C số tiền tạm tính đến ngày 12/7/2018 là 26.190.557 đồng, trong đó: gốc là 15.255.385 đồng, lãi trong hạn là 1.384.615 đồng, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 12/7/2018 là 9.550.557 đồng. Chị L đồng ý trả khoản nợ trên cho Ngân hàng C nhưng xin được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng bắt đầu từ tháng 8/2018 vì hoàn cảnh gia đình khó khăn.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh S* quá trình giải quyết vụ án Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh S không đến Tòa làm việc nên không lấy được lời khai anh S. Anh S có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Q phát biểu việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:*

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng Dân sự. Tuy nhiên, Thẩm phán còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử;

- *Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự:* Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị:*

- Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C yêu cầu chị L phải trả tiền gốc, tiền lãi trong hạn và tiền lãi phạt quá hạn tạm tính đến ngày 02/10/2018 là 26.712.634 đồng.

- Bác yêu cầu của chị Phan Thị Hồng L xin được trả dần 500.000 đồng/tháng.

- Chị L chịu án phí kinh doanh thương mại theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tranh chấp giữa Ngân hàng C với chị Phan Thị Hồng L là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại đều có mục đích là lợi nhuận nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng". Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng anh S không đến Tòa. Trước khi xét xử, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ đối với anh S và anh S, chị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của BLTTDS Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Phan Thị Hồng L và anh Nguyễn Thanh S.

[2] Về nội dung:

Ngân hàng C – Chi nhánh B – Phòng giao dịch P (gọi tắt là Ngân hàng C) có cho chị Phan Thị Hồng L vay 20.000.000 đồng theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 09.6.2014, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 12%/năm. Từ khi vay cho đến ngày 29/10/2014, chị L đã trả cho Ngân hàng C số tiền 5.760.000 đồng (trong đó tiền gốc là 4.744.615 đồng, lãi là 1.015.385 đồng), sau đó chị L không thanh toán gốc và lãi theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay, anh Trần Đình T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu chị L phải trả một lần cho Ngân hàng

C số tiền tạm tính đến ngày 02/10/2018 là 26.712.634 đồng, trong đó tiền gốc là 15.255.385 đồng, lãi trong hạn là 1.384.615 đồng, lãi quá hạn 10.072.634 đồng. Xét yêu cầu của anh T là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại bản khai ngày 06/6/2018 và biên bản hòa giải ngày 12/7/2018 chị L thừa nhận đã trả cho Ngân hàng C số tiền 5.760.000 đồng (trong đó tiền gốc là 4.744.615 đồng, lãi là 1.015.385 đồng) còn nợ Ngân hàng C 15.255.385 đồng tiền gốc và lãi phát sinh theo quy định, tuy nhiên chị L xin được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng bắt đầu từ tháng 8/2018 vì hoàn cảnh khó khăn. Xét thấy đề nghị của chị L không được anh T đồng ý và cũng không phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Như vậy, chị Phan Thị Hồng L phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C tổng số tiền tạm tính đến ngày 02/10/2018 là 26.712.634 đồng, trong đó tiền gốc là 15.255.385 đồng, lãi trong hạn là 1.384.615 đồng, lãi quá hạn 10.072.634 đồng.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị L phải chịu 3.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Ngân hàng C không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền đã nộp tạm ứng.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Điều 147, Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của BLTTDS; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C yêu cầu chị Phan Thị Hồng L phải trả khoản tiền vay gốc và lãi chưa thanh toán.

2. Buộc chị Phan Thị Hồng L phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C tổng số tiền tạm tính đến ngày 02/10/2018 là 26.712.634 đồng, trong đó tiền gốc là 15.255.385 đồng, lãi trong hạn là 1.384.615 đồng, lãi quá hạn là 10.072.634 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm chị Phan Thị Hồng L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 09/6/2014 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong

giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 09/6/2014, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà chị Phan Thị Hồng L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Bác yêu cầu của chị Phan Thị Hồng L xin được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng.

4. Về án phí:

- Chị Phan Thị Hồng L phải chịu 3.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Ngân hàng C không phải chịu. Hoàn lại cho Ngân hàng C 3.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006466 ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

5. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- VKSND Thành phố Q;
- Chi cục THADS Thành phố Q;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Khổng Lan Hương**